

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 17-4-2019
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồng Chí Tín.

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Công B, sinh năm 1979. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Chợ Thủ B, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1982 (vợ ông T) (có yêu cầu xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Chợ Thủ B, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1961. (xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Chợ Thủ B, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Công B trình bày:*

Trước đây vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L có hỏi vay của bà Huỳnh Thị L1 số tiền là 11.800.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, vợ

chồng ông T và bà L đóng lãi được một thời gian thì ngưng không đóng tiếp; do hoàn cảnh gia đình nên bà Huỳnh Thị L1 phải đi làm ăn xa, nên đã chuyển số nợ trên cho ông B, việc chuyển nợ này được lập thành bản cam kết trả nợ, sau khi ký cam kết thì vợ chồng ông T và bà L trả được 2.500.000 đồng thì ngưng không trả tiếp.

Nay ông Huỳnh Công B yêu cầu vợ chồng ông T và bà L thanh toán số tiền còn nợ là 9.300.000 đồng.

** Tại đơn xin vắng mặt, bị đơn – ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Trước đây ông T có hỏi vay của bà Huỳnh Thị L1 số tiền là 7.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, sau khi vay có đóng lãi đầy đủ, còn tiền vốn thì chưa thanh toán, hiện nay còn thiếu 9.300.000 đồng, do không còn trả năng trả tiếp, xin mỗi tháng trả 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Tại đơn xin vắng mặt, bị đơn – bà Đặng Thị L trình bày:*

Trước đây bà L có hỏi vay của bà Huỳnh Thị L1 số tiền là 7.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, sau khi vay có đóng lãi đầy đủ, còn tiền vốn thì chưa thanh toán, hiện nay còn thiếu 9.300.000 đồng, do không còn trả năng trả tiếp, xin mỗi tháng trả 300.000 đồng.

Bà Đặng Thị L xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Tại đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị L1 trình bày:*

Trước đây bà L cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L vay số tiền là 11.800.000 đồng, sau đó do hoàn cảnh gia đình nên bà L đi làm ăn xa và bà đã đồng ý chuyển giao khoản nợ trên cho em ruột là ông Huỳnh Công B nhận, nên vợ chồng ông T và bà L có ký bản cam kết trả nợ cho ông B số tiền nêu trên. Vợ chồng ông T và bà Đặng Thị L không trả theo thỏa thuận nên Bằng mới yêu cầu Tòa án giải quyết để trả nợ cho Huỳnh Công B.

Bà Huỳnh Thị L1 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Huỳnh Thanh B trình bày ý kiến: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L trả số tiền vay còn nợ là 9.300.000 đồng.

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L, bà Huỳnh Thị Lệ xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Thanh T, bà Đặng Thị L và bà Huỳnh Thị Lệ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là có căn cứ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Công B yêu cầu vợ chồng ông T và bà L cư trú tại ấp Chợ Thủ B – xã Tam Giang Tây – huyện Ngọc Hiển trả số tiền vay còn nợ. Vợ chồng ông T và bà L thừa nhận còn thiếu số tiền vay là 9.300.000 đồng, xin trả mỗi tháng 300.000 đồng.

Xét thấy, đối với yêu cầu xin trả mỗi tháng 300.000 đồng của vợ chồng ông T và bà L không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, việc quyết định hình thức thanh toán là thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự huyện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Huỳnh Công B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L thanh toán số tiền vay còn nợ là 9.300.000 đồng. Vợ chồng ông T và bà L có văn bản thừa nhận còn thiếu 9.300.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, về nguồn gốc khoản nợ là từ bà Huỳnh Thị L1 cho vợ chồng ông T và bà Đặng Thị L vay, đến năm 2018 bà Huỳnh Thị L1 chuyển giao số nợ trên cho ông Huỳnh Công B, sự việc đã được bà Huỳnh Thị Lệ, ông B và vợ chồng ông T – bà L thừa nhận tại các văn bản trình bày ý kiến đã gửi cho Tòa án; như vậy, khoản nợ nêu trên bà Huỳnh Thị L1 không còn quyền định đoạt, mà thuộc quyền định đoạt của ông B; vậy đối với yêu cầu của ông B là có cơ sở và cũng được vợ chồng ông T và bà L thừa nhận là thực tế xảy ra, thừa nhận còn nợ số tiền vay là 9.300.000 đồng, sự việc đã rõ ràng mà các đương sự đều biết và thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Công B, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L thanh toán số tiền vay còn nợ là 9.300.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông T và bà L chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận toàn bộ, nên phần tạm ứng án phí ông B đã nộp được nhận lại toàn bộ. Vợ chồng ông T và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $5\% = 9.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 465.000 \text{ đồng}$.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công B đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị L thanh toán cho ông Huỳnh Công B số tiền vay còn nợ là 9.300.000 đồng

Ngày ra, kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông T và bà L chậm thanh toán số tiền nói trên, thì hàng tháng vợ chồng ông T và bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông T và bà L phải chịu với số tiền 465.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến.

- Phần ông B nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005454 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, nay được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn

